

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 01 năm 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu

Ông Đào Quyết Chiến

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông
Ngô Trường Út- kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: anh La Văn V, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh La Văn V trình bày:

Anh kết hôn với chị Triệu Thị H ngày 22/7/2013, cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân chị H về ở xã T, còn anh sống ở xã L, năm 2019 anh có hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H không về vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó

cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung La Triệu Gia H, sinh ngày 07/7/2014, La Anh T, sinh ngày 19/8/2019, hiện cháu H đang ở cùng anh, cháu T đang ở cùng chị H. Ly hôn anh xin nuôi cháu H để chị H nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện anh làm tự do thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Triệu Thị H trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành lấy lời khai bà Trần Thị H, bà trình bày: bà là mẹ đẻ chị Triệu Thị H. Năm 2013 gia đình bà tổ chức cho chị H kết hôn với anh La Văn V. Sau khi kết hôn chị H, anh V thuê nhà và làm ăn tại xã T. Quá trình anh chị chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh V hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống hay cãi chửi nhau. Từ năm 2019 anh V về ở xã L, huyện S vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không được. Về con chung chị H, anh V có 02 con La Triệu Gia H, sinh ngày 07/7/2014, La Anh T, sinh ngày 19/8/2019, hiện cháu H đang ở cùng anh V, cháu T đang ở cùng chị H. Về tài sản, công nợ, công sức bà không nắm được. Hiện chị H đang sinh sống tại xã T, chị H có biết việc anh V xin ly hôn, biết việc Tòa án triệu tập nhưng vì sao chị H không đến làm việc thì bà không rõ. Nay anh V, chị H ly hôn đó là việc của anh chị do anh chị tự quyết định, bà không có ý kiến gì.

Qua xác minh tại UBND xã T: Chị Triệu Thị H kết hôn với anh La Văn V năm 2013 sau khi kết hôn vợ chồng về ở xã L, huyện S. Đến khoảng năm 2014 thì về thuê nhà làm ăn tại xã T. Quá trình anh chị chung sống xảy ra mâu thuẫn thì địa phương không nắm được, sau đó anh V về quê ở xã L còn chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T. Về con chung anh V, chị H có 02 con La Triệu Gia H, sinh ngày 07/7/2014, La Anh T, sinh ngày 19/8/2019, hiện cháu T đang ở cùng chị H tại xã T. Về tài sản, công nợ, công sức địa phương không nắm được. Chi phí để nuôi trẻ nhỏ 4-5 tuổi tại địa phương từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ. Đối với người lao động như chị H ở địa phương có thu nhập khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Hiện chị H đang ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T vì sao chị H không đến Tòa án làm việc địa

phương không nắm được. Nay anh V xin ly hôn chị H địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho anh La Văn V được ly hôn chị Triệu Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh La Văn V trực tiếp nuôi cháu La Triệu Gia H, sinh ngày 07/7/2014, chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Anh T, sinh ngày 19/8/2019. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh La Văn V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị H bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh La Văn V và chị Triệu Thị H là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị H. Đối với chị Triệu Thị H những lần Tòa án triệu tập gia đình có nhận được văn bản của Tòa án và có thông báo cho chị biết, nhưng chị không về làm việc được, chị cũng biết việc anh V xin ly hôn, biết việc Tòa án triệu tập. Việc chị H biết mình được Tòa án triệu tập để giải quyết việc anh V xin ly hôn

chị nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc thể hiện chị H không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh V xin ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung La Triệu Gia H, sinh ngày 07/7/2014, La Anh T, sinh ngày 19/8/2019, hiện cháu H đang ở cùng anh V, cháu T đang ở cùng chị H. Ly hôn anh V xin nuôi cháu H để chị H nuôi cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng từ khi anh V và chị H ly thân cháu H vẫn ở cùng anh V, nguyện vọng của cháu cũng xin được ở cùng bố. Cháu T còn nhỏ đang ở cùng chị H. Để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung, để tránh sáo trộn. Nên giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, để chị H nuôi cháu T. Việc anh V không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh V không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho anh La Văn V được ly hôn chị Triệu Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh La Văn V trực tiếp nuôi cháu La Triệu Gia H, sinh ngày 07/7/2014, chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Anh T, sinh ngày 19/8/2019. Hiện cháu H đang ở cùng anh V, cháu T ở cùng chị H. Hai bên

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Anh V, chị H có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh La Văn V phải chịu 300.000đ Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001397 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh V nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Lăng Công;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ